

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ vào Điều 116, Điều 143, Điều 144 và Điều 145 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 339/2018/HCST ngày 11/10/2018 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*;

XÉT THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2018, văn bản xác định yêu cầu khởi kiện và các bản tự khai người khởi kiện bà Trần Ánh N yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV93239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH3023 cấp cho gia tộc ông Trần Văn C do Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố T, Thành phố H) cấp ngày 29/8/2014.

Tại Biên bản làm việc ngày 12/4/2021 người khởi kiện bà Trần Ánh N trình bày: *“Tôi biết Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV93239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH3023 cấp cho gia tộc ông Trần Văn C (ông nội bà N) vào năm 2016, do năm 2016 bà L khởi kiện tôi tại Tòa án nhân dân Quận C về việc tranh chấp tài sản chung là thửa đất nêu trên, trong năm 2016 tôi liên hệ Ủy ban nhân dân Quận C xin trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia tộc Trần Văn C và bản vẽ sơ đồ thửa đất. Lúc này tôi biết bà L tuy không được những người trong gia tộc ủy quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã tự ý nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi được cấp thì bà L giữ luôn bản chính”*.

Tại Khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015: *“Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết hành chính ...; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.*

Thời hiệu khởi kiện ... 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính ...”.

Xét tại thời điểm năm 2016, bà Trần Ánh N đã biết được việc Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố T, Thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV93239, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH3023 cấp cho gia tộc ông Trần Văn C ngày 29/8/2014, nhưng không thực hiện việc khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính.

Ngày 31/8/2018, bà Trần Ánh N nộp đơn khởi kiện là đã quá thời hạn 01 năm theo quy định trên.

Căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 339/2018/HCST ngày 11/10/2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

Người khởi kiện: Bà **Trần Ánh N**

Địa chỉ: đường N, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trọng Đ**

Địa chỉ: đường L, Phường M, quận B, Thành phố H.

Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thành phố T**

Địa chỉ: đường T, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị M

Địa chỉ: đường N, khu phố L, phường L, thành phố Tc, Thành phố H.

2. Bà Trần Thị Liên

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

3. Ông Trần Văn H

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

4. Ông Trần Văn D

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

5. Ông Trần Văn T

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H

6. Bà Trần Thị Thu T

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

7. Ông Trần Văn N

Địa chỉ: đường N, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

8. Ông Trần Văn L

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

9. Ông Trần Văn P

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

10. Ông **Trần Văn L**

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

11. Ông **Trần Văn L1**

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, Thành phố H.

12. Bà **Dương Thị Hồng T**

Địa chỉ: đường B, khu phố N, phường H, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Minh N**

Địa chỉ: đường D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H.

13. Ông **Dương Minh N**

Địa chỉ: đường D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H.

14. Bà **Dương Thị Ngọc T**

Địa chỉ: đường D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Minh N**

Địa chỉ: đường D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố H.

15. Bà **Dương Thị Ngọc P**

Địa chỉ: đường B, khu phố N, phường H, thành phố T, Thành phố H.

16. Ông **Dương Hoàng S**

Địa chỉ: đường B, khu phố N, phường H, thành phố T, Thành phố H.

17. Bà **Nguyễn Thị D**

Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, Thành phố H.

18. Bà **Nguyễn Minh Chính**

Địa chỉ: đường V, Tổ M, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố

H.

19. Ông **Trần Kiên C**

Địa chỉ: đường V, Tổ M, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố

H.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án.

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí cho bà Trần Ánh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049881 ngày 10/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự Thành

phố H.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Trần Quang Phúc